

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/DS-ST
Ngày: 21-4-2025
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Nam

2. Ông Nguyễn Ngọc Ân

-Thư ký phiên tòa: Ông Dương Minh Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2025, về việc: “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2025/QĐST- DS ngày 03 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Bà Hà Thị T1, sinh năm: 1976;

2. Ông Trần Văn T2, sinh năm: 1972;

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2025, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T là chủ hui, bị đơn bà Hà Thị T1 và ông Trần Văn T2 là thành viên tham gia nhiều dây hui. Trong đó có 18 dây hui khai (mở) ngày 18/8/2023 và mãn (kết thúc) hui vào ngày 18/7/2024, loại hui tháng, mỗi tháng đóng

là 3.000.000đồng, hụi chết đóng số tiền là 3.600.000đồng. Bà T1 tham gia 15 phần của 15 dây hụi khác nhau.

Ngày 18/8/2023, bà T1 hốt hụi 10 phần cho 10 dây được số tiền là 315.000.000đồng

Ngày 18/9/2023, bà T1 hốt thêm 05 phần cho 05 dây còn lại với số tiền là 160.500.000đồng.

Sau khi hốt hụi, bà T1 phải có nghĩa vụ đóng lại hụi chết với số tiền là 54.000.000đồng/01 tháng lại cho bà T, bà T1 đóng đến ngày 18/9/2023 được tổng cộng số tiền là 61.800.000đồng, còn nợ lại số tiền là 486.000.000đồng bà T1 không tiếp tục đóng nên bà Nguyễn Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Lức giải quyết buộc ông bà T1 ông T2 phải thanh toán đối với số tiền hụi 486.000.000đồng này cùng với tiền nợ vay và nợ các dây hụi khác mà bà T đã tham gia.

Tại bản án Dân sự phúc thẩm số: 496/2024/DS-PT ngày 04/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử lại Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tại phần nhận định mục 4.2, cấp phúc thẩm cho rằng đến thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm xét xử (ngày 16/7/2024) thì các dây hụi trên chưa mãn hụi (hụi mãn vào ngày 18/7/2024). Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chỉ xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với yêu cầu trả 486.000.000đồng đến ngày 18/6/2024, chưa xem xét đối với tháng cuối cùng mãn hụi là tháng 7/2024.

Do đó, nay nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Hà Thị T1 và ông Trần Văn T2 có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà số tiền hụi của tháng 07/2024 với số tiền là 54.000.000đồng, ngoài ra bà T không có yêu cầu nào khác. Đồng thời, tại bản tường trình ngày 17/3/2025, bà T đề nghị Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải giữa bà với bà T1, ông T2 và đề nghị xét xử vắng mặt bà tại Tòa án nhân dân huyện Bến Lức và Tòa án nhân dân các cấp.

Bị đơn bà Hà Thị T1 và ông Trần Văn T2 đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đến trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/3/2025, tham gia phiên tòa vào ngày 03/4/2025 trong thời hạn luật định nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Về tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy hụi ngày 18/8/2023 và ngày 18/9/2023, Bản án Dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, Bản án Dân sự phúc thẩm số 496/2024/DS-PT ngày 04/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An; Bản tường trình ngày 17/3/2025. Đương sự xác định ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án thì không còn chứng cứ nào khác để cung cấp và không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ. Đồng thời, xác định không yêu cầu Tòa án triệu tập hoặc đưa thêm người tham gia tố tụng

khác trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Trước đây, vào ngày 18/8/2023, bà T1 tham gia 15 phần của 15 dây khác nhau, loại hụi tháng, mỗi tháng đóng 3.000.000 đồng/phần, hụi chết đóng là 3.600.000 đồng, thời gian chơi từ ngày 18/8/2023 đến ngày 18/7/2024 là kết thúc. Ngày 18/8/2023 bà T1 hốt đầu trước 10 dây với số tiền là 315.000.000 đồng. Ngày 18/9/2023 bà T1 hốt thêm 5 dây với số tiền là 160.500.000 đồng. Tổng số tiền hốt là 475.500.000 đồng. Như vậy mỗi tháng bà T1 và ông T2 phải đóng cho bà T 54.000.000 đồng hụi chết. Tuy nhiên bà T1 và ông T2 không đóng cho bà nên bà khởi kiện yêu cầu và được Tòa án nhân dân huyện Bến Lức giải quyết bằng Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST ngày 16/7/2024 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với việc yêu cầu bà T1, ông T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi, mỗi tháng bà T1, ông T2 phải đóng cho bà là 54.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 496/2024/DS-PT ngày 4/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An nhận định đến thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là chưa mãn hụi (xét xử ngày 16/7/2024 nhưng mãn hụi ngày 18/7/2024). Nên Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xét xử đến ngày 18/6/2024, chưa xem xét đến ngày 18/7/2024. Do đó, sửa một phần bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu buộc bà T1 và ông T2 có nghĩa vụ liên đới trả tiền hụi chết cho bà T từ tháng 12/2023 đến tháng 6/2024 là 07 tháng x 54.000.000 đồng/tháng; không chấp nhận 01 tháng hụi chưa đến hạn vào thời điểm cấp sơ thẩm giải quyết là tháng 7/2024 với số tiền là 54.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên: Xét thấy, tại thời điểm bà T khởi kiện lại là vào ngày 06/01/2025 thì dây hụi trên đã mãn hụi ngày 18/7/2024 nên bà T khởi kiện yêu cầu bà Hà Thị T1 và ông Trần Văn T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi tháng 7/2024 là 54.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hà Thị T1 và ông Trần Văn T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Hà Thị T1 và ông Trần Văn T2 vắng mặt và không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên căn cứ các Các Điều 288, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biên, phùng; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào Giấy hội ngày 18/8/2023, ngày 19/8/2023; Bản án Dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức và Bản án Dân sự phúc thẩm số 496/2024/DS-PT ngày 04/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An do nguyên đơn cung cấp; Nội dung các tài liệu này thể hiện nguyên đơn tranh chấp và yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền hội liên quan đến số tiền hội là 486.000.000đồng nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hội. Tòa án nhân dân huyện Bến Lức thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Hà Thị T1 và ông Trần Văn T2 có nơi cư trú tại Ấp E, xã T, huyện B, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Hà Thị T1, ông Trần Văn T2 vắng mặt từ khi thụ lý vụ án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ vào trình bày của nguyên đơn, các Giấy hội ngày 18/8/2023 và ngày 19/8/2023 xác định giao dịch giữa các đương sự được xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực. Do đó luật được áp dụng để giải quyết vụ việc là Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về nội dung tranh chấp:

[5.1] Xét yêu cầu trả tiền hội với số tiền là 54.000.000đồng và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

Vào ngày 18/8/2023, bà T là chủ hội mở 18 dây hội, theo thỏa thuận của các thành viên tham gia thì dây hội khai theo tháng với số tiền là 3.000.000đồng/01 phân, thời hạn dây hội là 12 tháng (mở hội ngày 18/8/2023 đến ngày 18/7/2024 là mãn hội); đối với hội “chết” thì thành viên hốt hội có nghĩa vụ đóng lại cho bà T số tiền là 3.600.000đồng. Bà T1 hốt hội đối với các dây hội với tổng số tiền là 475.500.000 đồng (Trong đó: ngày 18/8/2023 bà T1 hốt 10 dây hội với số tiền là 315.000.000 đồng; Ngày 18/9/2023 bà T1 hốt thêm 5 dây với số tiền là 160.500.000 đồng). Với số tiền hốt hội như trên, mỗi tháng bà T1 phải có nghĩa vụ đóng lại cho bà T tiền hội “chết” là 54.000.000đồng. Do bà T1 không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Lức giải quyết.

Tại Bản án Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST ngày 16/7/2024 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc bà T1 và ông T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T

toàn bộ số tiền hui “chết” với số tiền là 54.000.000đồng/01 tháng tương ứng với khoản tiền tính từ ngày bà T1 không đóng hui cho đến khi đây hui kết thúc vào ngày 18/7/2024.

Do bị đơn có kháng cáo nên Bản án dân sự sơ thẩm được xét xử lại theo trình tự phúc thẩm và tại Bản án dân sự phúc thẩm số 496/2024/DS-PT ngày 04/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An sửa một phần Bản án sơ thẩm với nhận định: “...*Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T cũng thừa nhận chữ viết và chữ ký trên sổ đóng hui do bà T1 cung cấp là của bà T. Tuy nhiên, đến thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án là chưa mãn hui. Do có kỳ chưa mở hui nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T1 phải có nghĩa vụ góp hui trước hạn là chưa đúng quy định tại Điều 282 Bộ luật Dân sự và Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà T1 và điều chỉnh nghĩa vụ cho phù hợp...Nhu vậy, bà T1 phải thực hiện nghĩa vụ đóng tiền hui chết cho bà T từ tháng 12/2023 đến tháng 06/2024 là 07 tháng x 54.000.000đồng/tháng = 378.000.000đồng... ”. Như vậy, còn lại 01 tháng hui chưa đến hạn vào thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là tháng 7/2024 với số tiền là 54.000.000 đồng không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.*

Do Bản án dân sự phúc thẩm 496/2024/DS-PT ngày 04/12/2024 có hiệu lực pháp luật, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh về việc bà Hà Thị T1 còn nợ tiền hui bà Nguyễn Ngọc T với số tiền là 54.000.000đồng. Do đó, vào ngày 06/01/2025, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1, ông T2 trả tiền hui còn nợ của tháng 7/2024 với số tiền là 54.000.000đồng, ngoài ra, bà T không có yêu cầu nào khác là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] Về nghĩa vụ liên đới: Do bà Hà Thị T1 và ông Trần Văn T2 là vợ chồng, khoản tiền nợ hui trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà T1 và ông T2 do đó nguyên đơn yêu cầu bà T1 và ông T2 có nghĩa vụ liên đới trả nợ là đúng quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử buộc bà Hà Thị T1 và ông Trần Văn T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả 54.000.000đồng cho bà Nguyễn Ngọc T.

[5.3] Bị đơn bà Hà Thị T1, ông Trần Văn T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án trong đó thể hiện yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T nhưng bà T1, ông T2 không đến Tòa án, không gửi văn bản để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T là tự từ bỏ quyền phản bác đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[5.4] Từ những phân tích trên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa.

Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Hà Thị T1, ông Trần Văn T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T tiền hui là 54.000.000đồng (Năm mươi bốn triệu đồng).

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà T1, ông T2 phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 92, 147, 227, 228 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 288, 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phườg;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn là bà Hà Thị T1 và ông Trần Văn T2 về việc tranh chấp hui;

Buộc bà Hà Thị T1 và ông Trần Văn T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T tiền hui là 54.000.000đồng (Năm mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Buộc bị đơn bà Hà Thị T1, ông Trần Văn T2 có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.700.000đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

2.2. Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T tiền tạm ứng án phí đã nộp với số tiền là 1.350.000đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007343 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Nam

